

Mẫu số 01-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.../QĐ-BPBD⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

BUỘC THỰC HIỆN BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời⁽³⁾

.....của⁽⁴⁾

địa chỉ⁽⁵⁾:

là⁽⁶⁾trong vụ án⁽⁷⁾

đối với⁽⁸⁾; địa chỉ⁽⁹⁾:

là⁽¹⁰⁾ trong vụ án nói trên;

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;

Xét thấy để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc người thứ ba trong trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Buộc⁽¹¹⁾ phải
gửi tài sản bảo đảm (tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá) có giá trị là⁽¹²⁾:
..... vào
tài khoản phong tỏa⁽¹³⁾ tại Ngân hàng địa
chỉ⁽¹⁴⁾:

2. Thời hạn thực hiện việc gửi tài sản bảo đảm là⁽¹⁵⁾ ngày, kể từ ngày
tháng năm

3. Ngân hàng⁽¹⁶⁾ có trách nhiệm nhận vào tài khoản phong tỏa của mình và quản lý theo quy định của pháp luật cho đến khi có quyết định khác của Tòa án xử lý tài sản bảo đảm này.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;
- Ngân hàng⁽¹⁷⁾
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-DS

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội), nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi rõ: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2020/QĐ-BPBD).

(3) Ghi biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể đã được ghi trong đơn yêu cầu (ví dụ: “kê biên tài sản đang tranh chấp” hoặc “phong tỏa tài khoản tại ngân hàng”).

(4) và (5) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của người làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

(6) và (7) Ghi tư cách đương sự của người làm đơn trong vụ án cụ thể mà Tòa án đang giải quyết.

(8) và (9) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

(10) Ghi tư cách đương sự của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Chú ý: Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 111 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì không ghi các mục (6), (7) và (10).

(11) Ghi đầy đủ tên của người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

(12) Ghi giá trị được tạm tính.

(13) và (14) Ghi số tài khoản, chủ tài khoản phong tỏa, tên và địa chỉ của Ngân hàng nơi người phải thực hiện biện pháp bảo đảm gửi tài sản bảo đảm.

(15) Tùy từng trường hợp mà ghi thời hạn thực hiện việc gửi tài sản bảo đảm: a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 111 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu trong giai đoạn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa, thì thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm là hai ngày làm việc, kể từ thời điểm Tòa án ra quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm. Trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn đó có thể dài hơn, nhưng trong mọi trường hợp phải được thực hiện trước ngày Tòa án mở phiên tòa. Nếu tại phiên tòa thì việc thực hiện biện pháp bảo đảm được bắt đầu từ thời điểm Hội đồng xét xử ra quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, nhưng phải xuất trình chứng cứ đã thực hiện xong biện pháp bảo đảm trước khi Hội đồng xét xử vào Phòng nghị án để nghị án. b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 111 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm nộp đơn yêu cầu và được Tòa án chấp nhận.

(16) và (17) Ghi đầy đủ tên của Ngân hàng.